TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1223/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 2005; nơi thường trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 2000, nơi thường trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin không tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông T tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Sau khi cưới vợ chồng lên Bình Dương làm thuê. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên gây cãi, ngoài ra ông T còn tụ tập bạn bè ăn chơi, không lo làm ăn, bà nhiều

lần khuyên ngăn nhưng không được, từ đó làm cho gia đình mất hạnh phúc, bà bỏ về nhà mẹ ruốt sống tại địa chỉ ấp P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp đến nay, bà và ông T ly thân nhau từ đó. Từ lúc ly thân nhau cha mẹ hai bên không ai đứng ra hàn gắn, tự hai người giải quyết. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc T1, sinh ngày 05/01/2023, hiện con chung đang được bà Huỳnh nuôi D. Khi ly hôn bà Huỳnh Y câu được nuôi chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án. Bà H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án đã tiến hành xác minh, ghi lời khai của ông Nguyễn Văn T.

Theo Biên bản ghi nhận lời khai ngày 07/01/2025, ông T trinh bày như sau: Thống nhất trình bày của bà H về mối quan hệ nhôn nhân, con chung và mâu thuẫn trong hôn nhân. Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc T1 cho bà Huỳnh N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố trình bày của bà Phạm Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn và về con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, đồng thời ông T vẫn còn đăng ký thường trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà H và ông T vắng mặt và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Như vậy, các đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên nhân, bà H xin ly hôn với ông T là do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, hai người đã ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, không hàn gắn tình cảm. Nhận thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ thì ông T cũng đồng ý ly hôn, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc T1, sinh ngày 05/01/2023, hiện con chung đang được bà Huỳnh nuôi D. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con cho bà Huỳnh N. Xét thấy, cháu T1 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, lứa tuổi cần được sự chăm sóc nuôi dạy của người mẹ và từ trước đến nay bà H trực tiếp nuôi dạy cháu T1, tình cảm mẹ con đã thật sự gắn bó. Do đó, để tránh làm xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Nguyễn Phạm Ngọc T1.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Huỳnh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của bà H.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị Mỹ H,

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà H được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc T1, sinh ngày 05/01/2023.

Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Huỳnh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010171 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. (Bà H đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án tuyên vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết bà H và ông T được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã Quốc Thái, h. An Phú;
- Các đương sự;
- Lưu Vp;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đỗ Ngọc Mai Thy